

Bản án số: 55/2023/DS-ST

Ngày: 19/6/2023

Về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Thiều Thị Phi Loan.

2. Ông Trần Văn Chánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 825/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 764/2023/QĐST-DS ngày 30/5/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT.**

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà Sailingtower-111 A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ (Theo giấy bản ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021)

Bà Trần Thị Thu H ủy quyền lại cho: Ông K’Jac L, sinh năm 1998.

HKTT: số 309, Khu dân cư KaMing, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng (Theo giấy ủy quyền số 067298.232 ngày 02/6/2023).

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà Paxsky số 26 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K’Jac Ly (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 217/21A/1A, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt không lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông K'Jac Ly trình bày:*

1. Ngân hàng TMCP QT (tên viết tắt là VIB) ký với ông Nguyễn Đức H Hợp đồng tín dụng số 8405238.20 ngày 04/8/2020 với nội dung, như sau:

Ngân hàng TMCP QT cho ông H vay số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng); Mục đích vay để thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER; Thời hạn vay: **84 tháng, tính từ ngày 05/08/2020 đến ngày 04/08/2027**; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.2%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3.9%/năm.

Hoàn trả khoản vay gốc: Hoàn trả khoản tín dụng gốc hàng tháng vào ngày 01, mỗi tháng trả 10.950.000 đồng, tháng cuối trả hết số tiền còn lại.

Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 05, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 05/09/2020;

Trả phí: Theo quy định của VIB từng thời kỳ;

Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn.

Ngày 04/8/2020, VIB đã giải ngân cho ông Nguyễn Đức H theo đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 84052389(1).20 với số tiền 900.000.000đ theo đúng yêu cầu của ông Nguyễn Đức H và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

- Tài sản bảo đảm của khoản tín dụng nói trên là: 01 xe ô tô con, nhãn hiệu FORD, số loại Ranger Raptor, biển số 60A-821.53, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 162188 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh đồng Nai cấp ngày 31/7/2020 (Theo Hợp đồng thế chấp phươg tiện vận tải số 9472884.20 ngày 04/8/2020) được ký giữa Ngân hàng TMCP QT (VIB) với ông Nguyễn Đức H.

2. Ngày 21/08/2020, ông Nguyễn Đức H có đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, VIB đã phát hành thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Đức H với hạn mức tín dụng là: 89.000.000 đồng; Loại thẻ: VIB Happy Drive; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất vay: Theo quy định của VIB trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 8405238.20 ngày 04/8/2020: Tính đến ngày 06/10/2021, ông Nguyễn Đức H đã thanh toán cho VIB số tiền là 233.383.636 đồng (trong đó: tiền gốc là 139.295.000 đồng, tiền lãi là 94.088.636 đồng) thì ngưng không thanh toán nữa và VIB đã **chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/7/2022**. Như vậy, ông Nguyễn Đức H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh.

Đối với khoản vay của Thẻ tín dụng phát hành ngày 21/08/2020: Tính đến ngày 10/02/2022, ông Nguyễn Đức H không còn thanh toán cho VIB nữa.

Tính đến ngày xét xử (19/6/2023), ông Nguyễn Đức H còn nợ Ngân hàng TMCP QT (VIB) số tiền là: 1.179.621.411 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm mười một đồng*), trong đó gồm có: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 8405238.20 ngày 04/8/2020 là 997.209.851 đồng (*nợ gốc là: 760.705.000 đồng; nợ lãi là 236.504.851 đồng*). Dư nợ Thẻ tín dụng là: 182.411.560 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP QT (VIB) yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Đức H trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT (VIB) số tiền tạm tính đến ngày 19/6/2023 là 1.179.621.411 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm mười một đồng*) và tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 20/6/2023 cho đến khi ông Nguyễn Đức H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký.

Đối với tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô con, nhãn hiệu FORD, số loại Ranger Raptor, biển số 60A-821.53 (Theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9472884.20 ngày 04/8/2020) Ngân hàng TMCP QT (VIB) không yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản bảo đảm nói trên.

*\* Đối với bị đơn là ông Nguyễn Đức H:*

Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án đối với bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không ủy quyền cho người nào khác đến tham gia tố tụng, không có văn bản gửi Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

***\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các bên đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QT (VIB) là có căn cứ. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, bị đơn là ông Nguyễn Đức H, Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án đối với bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Đức H, cư trú tại địa chỉ: 217/21A/1A, tổ 39A, khu phố 11A, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. **Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP QT (VIB) về việc yêu bị đơn ông Nguyễn Đức H phải trả khoản tiền vay và lãi suất phát sinh trong Hợp đồng tín dụng số 8405238.20 ngày 04/8/2020 và Thẻ tín dụng ngày 21/08/2020. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; **Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015**.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Ngày 04/8/2020, Ngân hàng TMCP QT (VIB) ký với ông Nguyễn Đức H Hợp đồng tín dụng số 8405238.20 với nội dung thỏa thuận, như sau: VIB cho ông H vay số tiền 900.000.000 đồng; Mục đích vay để thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.2%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3.9%/năm. Cùng ngày 04/8/2020, VIB đã giải ngân cho ông Nguyễn Đức H vay số tiền 900.000.000đ theo đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 84052389(1).20, phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Ngày 21/8/2020, VIB đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Đức H (theo đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng Quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản). Theo đó, VIB đã phát hành thẻ cấp tín dụng cho ông Nguyễn Đức H với hạn số tiền là: 89.000.000 đồng; Loại thẻ: VIB Happy Drive; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất vay: Theo quy định của VIB trong từng thời kỳ.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có văn bản gửi Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, nhưng qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, Hợp đồng mở Thẻ tín dụng quốc tế kèm và sử dụng tài khoản nói trên có đầy đủ chữ ký của bị đơn trong các văn bản nêu trên cùng với bên cho vay là VIB. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định việc vay tiền giữa ông Nguyễn Đức H với VIB là có thật. Nội dung thỏa thuận của các bên được ghi trong Hợp đồng tín dụng số

8405238.20 ngày 04/8/2020 và Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 21/8/2020 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Nên Hợp đồng phát sinh hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 06/10/2021 ông Nguyễn Đức H đã thanh toán cho VIB số tiền là 233.383.636 đồng (trong đó: tiền gốc là 139.295.000 đồng, tiền lãi là 94.088.636 đồng) thì ngưng không thanh toán nữa và VIB đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/7/2022. Như vậy, ông Nguyễn Đức H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Hợp đồng tín dụng số 8405238.20 ngày 20/8/2020 và Hợp đồng mở Thẻ tín dụng quốc tế kiêm và sử dụng tài khoản ngày 21/8/2020 thì việc khởi kiện đòi nợ của VIB là có căn cứ.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2023, ông Nguyễn Đức H còn nợ Ngân hàng TMCP QT (VIB) số tiền là: 1.179.621.411 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm mười một đồng*), trong đó gồm có: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 8405238.20 ngày 04/8/2020 là 997.209.851 đồng (*nợ gốc là: 760.705.000 đồng; nợ lãi là 236.504.851 đồng*) và dư nợ Thẻ tín dụng là: 182.411.560 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của VIB về việc yêu cầu ông Nguyễn Đức H phải trả số tiền nợ nêu trên là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán, lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8405238.20 ngày 04/8/2020 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/8/2020 kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử (ngày 20/6/2023) cho đến khi ông Nguyễn Đức H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy, việc các bên thỏa thuận về mức lãi suất trong các hợp đồng nêu trên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay:

Kể từ ngày 20/6/2023, ông Nguyễn Đức H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[6] Đối với tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô con, nhãn hiệu FORD, số loại Ranger Raptor, biển số 60A-821.53 (Theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9472884.20 ngày 04/8/2020) Ngân hàng TMCP QT (VIB) không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn

đề liên quan đến tài sản bảo đảm nói trên, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Đức H phải chịu 47.388.642 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm bốn mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP QT (VIB) 17.891.000đ (*Mười bảy triệu, tám trăm chín mươi một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005178 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 299, 317, 318, 319, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; **khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;**

- Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QT (VIB) đối với ông Nguyễn Đức H về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

1. Buộc ông Nguyễn Đức H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP QT (VIB) số tiền là: 1.179.621.411 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm mười một đồng*). Trong đó gồm có: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 8405238.20 ngày 04/8/2020 là 997.209.851 đồng (*nợ gốc là: 760.705.000 đồng; nợ lãi là 236.504.851 đồng*); Dư nợ Thẻ tín dụng là: 182.411.560 đồng.

Kể từ ngày 20/6/2023, ông Nguyễn Đức H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho

Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**2. Về án phí:**

Buộc ông Nguyễn Đức H phải chịu 47.388.642 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm bốn mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP QT (VIB) 17.891.000đ (*Mười bảy triệu, tám trăm chín mươi một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005178 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**4. Về việc thi hành án:**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**(đã ký)**

**Trần Văn Hùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**